

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4581/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân tại khu vực phía Đông khu công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa của Công ty TNHH giấy Sun Jade Việt Nam;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 28/CV-SJ ngày 28/11/2023 của Công ty TNHH giấy Sun Jade Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân tại khu vực phía Đông khu công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa; văn bản số 01/CTSJ-C ngày 03/01/2024 của Công ty TNHH giấy Sun Jade Việt Nam về việc chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án Phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân tại khu vực phía Đông khu công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa (Giai đoạn 1);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 31/TTr-STNMT ngày 08 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH giấy Sun Jade Việt Nam, địa chỉ tại: Lô B, KCN Lễ Môn, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân tại khu vực phía Đông khu công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa (Giai đoạn 1) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên Dự án: Phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân tại khu vực phía Đông khu công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Quảng Phú, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2801149968 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 29/4/2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 12/7/2022.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 2801149968.

1.5. Loại hình hoạt động: Xây dựng và kinh doanh nhà ở xã hội.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định tại STT 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: 66.617,1m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Công suất của toàn bộ dự án: Xây dựng hoàn thiện 08 khối nhà chung cư xã hội cao 09 tầng với 1.377 căn hộ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các công trình phụ trợ khác theo quy hoạch đáp ứng quy mô dân số 5.500 người.

+ Công suất dự án giai đoạn 1: Xây dựng hoàn thiện 02 khối nhà chung cư xã hội cao 09 tầng (ODT7.1 và ODT7.2) với 352 căn hộ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các công trình phụ trợ khác đáp ứng quy mô dân số 1.300 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo các yêu cầu về quản lý khí thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH giấy Sun Jade Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH giấy Sun Jade Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 20 tháng 01 năm 2024 đến ngày 20 tháng 01 năm 2034).

Các Giấy phép môi trường thành phần là: Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 120/GP-UBND ngày 06/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Giấy Sun Jade Việt Nam (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND TP Thanh Hóa (để theo dõi);
- UBND Phường Quảng Phú, thành phố Thanh Hóa;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ở ODT7.1 (bao gồm: Nước thải đại tiện, tiểu tiện, nước thải từ nhà bếp, nước thải tắm, giặt,..) với lưu lượng 78,24 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ở ODT7.2 (bao gồm: Nước thải đại tiện, tiểu tiện, nước thải từ nhà bếp, nước thải tắm, giặt,..) với lưu lượng 77,76 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sau xử lý tại hệ thống bể xử lý nước thải tập trung của tòa nhà chung cư ODT7.1 được dẫn qua đường ống BTCT, D300 thoát ra sông Thống Nhất tại cửa xả số 02.

- Dòng nước thải số 02: Nước thải sau xử lý tại hệ thống bể xử lý nước thải tập trung của tòa nhà chung cư ODT7.2 được dẫn qua đường ống BTCT, D300 thoát ra sông Thống Nhất tại cửa xả số 01.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Sông Thống Nhất đoạn chảy qua phường Quảng Hưng và Phường Quảng Phú, thành phố Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải của dòng nước thải số 01: Tại cửa xả số 02.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°): X = 2187475 (m); Y₂ = 585866 (m).

- Vị trí xả thải của dòng nước thải số 02: Tại cửa xả số 01

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°): X = 2187645 (m); Y = 585898 (m).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 156m³/ngày đêm (24 giờ), trong đó:

- Dòng nước thải số 01: Lưu lượng lớn nhất 78,24 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải số 02: Lưu lượng lớn nhất 77,76 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau xử lý tại hệ thống các bể xử lý nước thải tập trung của 02 tòa nhà được thu gom qua đường ống D330 tự chảy ra nguồn tiếp nhận.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải: Nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc nước thải tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải vệ sinh sàn, tắm rửa, giặt giũ từ các căn hộ → Song, nắp chắn rác → Đường ống PVC, DN60 (nội bộ trong mỗi căn hộ) → Đường ống PVC, DN 90 (chạy dọc theo các tầng) → PVC, DN125 (dưới nền, khuôn viên các tòa nhà) → Hệ thống bể xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ khu vực bếp, nhà ăn của các căn hộ → Song, nắp chắn rác → Đường ống PVC, DN60 (nội bộ trong mỗi căn hộ) → Đường ống PVC, DN110

(chạy dọc theo các tầng) → PVC, DN125 (dưới nền, khuôn viên các toàn nhà) → Bể tách dầu mỡ → Hệ thống bể xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ hồ tiêu, hồ tiêu (WC) tại các căn hộ → Đường ống PVC, DN110 (chạy dọc theo các tầng) → PVC, DN40 (dưới nền, khuôn viên các toàn nhà) → Các Bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống bể xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải.

- Bể tách dầu mỡ: Mỗi tòa nhà chung cư đầu tư xây dựng 01 bể tách dầu mỡ có 03 ngăn có dung tích 20m^3

- Bể tự hoại: Tại mỗi tòa nhà chung cư được xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn với dung tích $50\text{m}^3/\text{bể}$.

- Hệ thống bể xử lý nước thải tập trung dạng modul:

+ Đối với Tòa nhà chung cư ODT7.1: Bể xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Đối với Tòa nhà chung cư ODT7.2: Bể xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý $80\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống bể xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải sinh hoạt từ các căn hộ của chung cư sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ, bể tự hoại → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Đường ống → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: Tổng công suất $180\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (Tòa nhà chung cư ODT7.1 công suất $100\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; Tòa nhà chung cư ODT7.2 công suất $80\text{m}^3/\text{ngày đêm}$).

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng hệ thống các bể xử lý nước thải tập trung cho mỗi tòa chung cư có tổng dung tích chứa gấp 3,8 đến 4,3 lần lưu lượng nước thải phát sinh hàng ngày (Tòa nhà chung cư ODT7.1 có tổng dung tích 340m^3 gấp 4,3 lần lưu lượng nước thải phát sinh hàng ngày; Tòa nhà chung cư ODT7.2 có tổng dung tích 300m^3 gấp 3,8 lần lưu lượng nước thải phát sinh hàng ngày); hệ thống các bể xử lý nước thải tập trung của các toàn nhà có thể vận hành với công suất tối đa đạt 150%

công suất thiết kế. Trong quá trình vận hành nếu hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố sẽ được cô lập bằng các van đóng mở để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của hệ thống. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

- Hệ thống các bể xử lý nước thải tập trung được lắp đặt thiết bị dự phòng như máy bơm, máy thổi khí (mỗi loại được trang bị 02 thiết bị: 01 làm việc; 01 dự phòng).

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố:

- Vận hành hệ thống cá bể xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế; Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường; Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt QCVN cho phép, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể của hệ thống xử lý tập trung. Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt QCVN cho phép trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, thời gian sửa chữa, thay thế thiết bị kéo dài, Công ty báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố. Đồng thời, tiến hành lắp đặt máy bơm, bơm chuyển nước thải từ bể thu gom (của bể xử lý nước thải tập trung bị sự cố) về các bể xử lý nước thải tập trung của các tòa nhà chung cư khác của dự án để xử lý trong thời gian khắc phục. Sau khi khắc phục xong sự cố, đưa bể xử lý nước thải tập trung vào vận hành để xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt QCVN cho phép trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.3. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày.đêm tại tòa nhà ODT7.1 và Hệ thống bể xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày.đêm tại tòa nhà ODT7.2.

2.4. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào (tại bể thu gom) và mẫu nước thải đầu ra(bể khử trùng) của mỗi hệ thống bể xử lý nước thải.

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Công ty phải dừng ngay hoạt động vận hành và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.2. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào trong quá trình hoạt động.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.6. Công ty TNHH giấy Sun Jade Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải từ hoạt động của dự án ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI QUẢN LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải (mùi):

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể tự hoại của tòa nhà chung cư ODT7.1.
- Nguồn số 02: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể tự hoại của tòa nhà chung cư ODT7.2.
- Nguồn số 03: Khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung tòa nhà chung cư ODT7.1.
- Nguồn số 04: Khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung tòa nhà chung cư ODT7.2.
- Nguồn số 05: Khí thải (mùi) phát sinh từ các phòng tập kết tạm thời rác thải.

2. Vị trí phát sinh khí thải (mùi).

Nằm trong khuôn viên của dự án Phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân tại khu vực phía Đông khu công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa.

3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý:

3.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

- Đối với khí thải (mùi) từ nguồn số 01 và 02: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể tự hoại được thu gom qua ống thoát mùi PVC dẫn lên trên tầng mái của mỗi tòa nhà, sau đó được dẫn qua hệ thống khử mùi bằng than hoạt tính lắp trên tầng mái trước khi thải ra môi trường.

Nguyên lý hoạt động của thiết bị xử lý mùi như sau: Khí thải (mùi) từ nguồn số 01 và 02 → Đường ống thu gom PVC → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính đặt trên tầng mái của tòa nhà chung cư → Đường ống PCV → Môi trường

- Đối với khí thải (mùi) từ nguồn số 03 và 04: Khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của hệ thống bể xử lý nước thải tập trung thu gom qua đường ống sau đó được dẫn qua hệ thống khử mùi bằng than hoạt tính trước khi thải ra môi trường.

Nguyên lý hoạt động của thiết bị xử lý mùi như sau: Khí thải (mùi) từ nguồn số 01 và 02 → Đường ống thu gom PVC → Quạt hút → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Đường ống PCV → Môi trường

- Đối với khí thải (mùi) phát sinh từ nguồn số 05 được giảm thiểu như sau: Rác thải được lưu chứa vào các xe chở rác theo đúng quy định (chia làm 03 loại: xe chứa rác thải hữu cơ, xe chứa rác thải tái chế và xe chứa rác thải còn lại). Các xe chở rác có nắp đậy để giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh;

phòng chứa rác thải được thiết kế khép kín có cửa đóng ra vào. Bình thường sẽ được đóng kín để tránh mùi phát tán ra xung quanh; phòng tập kết phải được vệ sinh thường xuyên để giảm thiểu mùi phát sinh; lắp đặt quạt thông gió để giảm thiểu mùi hôi phát sinh trong quá trình lưu giữ rác thải sinh hoạt. Ngoài ra, định kỳ sử dụng chế phẩm vi sinh giảm thiểu mùi phun vào khu vực tập kết tạm thời rác thải sinh hoạt để giảm thiểu mùi hôi phát sinh.

3.2. Chất lượng khí thải sau xử lý:

Chất lượng khí thải phát sinh từ nguồn số 01, số 02, số 03, số 04 và số 05 phải được thu gom, xử lý và quản lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (không khí xung quanh khu vực dự án) có giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

5.1. Định kỳ hằng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

5.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

5.3. Thay tấm lọc than hoạt tính định kỳ; than hoạt tính sau khi thải bỏ được lưu giữ và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

5.4. Công ty TNHH giấy Sun Jade Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải từ hoạt động của dự án ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy khí nén, máy bơm và động cơ phục vụ bể xử lý nước thải tập trung của tòa nhà ở ODT7.1.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy khí nén, máy bơm và động cơ phục vụ bể xử lý nước thải tập trung của tòa nhà ở ODT7.2

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung nằm trong khuôn viên dự án tại phường Quảng Phú, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí các điểm phát sinh tiếng ồn và độ rung (Theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°) có tọa độ đại diện như sau:

- Nguồn số 01: X = 2187441 (m); Y = 585965 (m).
- Nguồn số 02: X = 2187450 (m); Y = 585862 (m).
- Nguồn số 03: X = 2187494 (m); Y = 585771 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		

1	70	60	-	Khu vực thông thường
---	----	----	---	----------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Trồng cây xanh quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	200
2	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11 02 01	50
3	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	16 01 09	75
4	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	150
Tổng số lượng				475

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải (sau khi được phân định không có thành phần nguy hại)	314.000
	Tổng	314.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	474,5
	Tổng	474,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 240 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà kho:

- Bố trí khu vực lưu chứa trong phòng lưu giữ chất thải rắn tạm thời của mỗi tòa nhà đặt tại tầng 1 (phòng có diện tích 15 m²) để lưu giữ CTNH.
- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa: Kho lưu chứa được lát nền bằng gạch ceramic chống thấm, tường xây gạch.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu trong bể chứa bùn định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với 02 tòa nhà ODT7.1 và ODT7.2: Trang bị khoảng 36 thùng chứa có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng đặt tại khu vực hành lang các tầng để thu gom rác thải phát sinh.

- Hằng ngày nhân viên dọn vệ sinh thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt về phòng tập kết chất thải rắn tạm thời diện tích 15 m² được bố trí tại tầng 01 của mỗi tòa nhà.

2.3.2. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt:

Toàn bộ rác thải sinh hoạt mỗi tòa nhà được thu gom về khu vực kho lưu giữ tạm thời có diện tích khoảng 15 m², bố trí ở tầng 1 của mỗi tòa nhà; trong kho bố trí 04 xe đẩy rác bằng tay, dung tích 0,5 m³/thùng để lưu giữ chất thải.

2.4. Chuyển giao chất thải

Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý; không để rác thải sinh hoạt để phân hủy qua đêm tại khu vực dự án.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với chất thải.
2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

1. Các hạng mục, công trình xây dựng của dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

1.1. Các hạng mục, công trình xây dựng tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2:

Tiếp tục triển khai xây dựng 06 khối nhà chung cư xã hội cao 09 tầng và các hạng mục công trình phụ trợ.

1.2. Các công trình bảo vệ môi trường tiếp tục xây dựng:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải:

- Xây dựng các bể tự hoại 03 ngăn; hệ thống bể xử lý nước thải tập trung cho các tòa nhà chung cư cao tầng (mỗi tòa nhà từ 3 - 4 bể tự hoại; 01 hệ thống bể xử lý nước thải tập trung) có dung tích và công suất xử lý theo đúng báo cáo đánh giá tác động đã được phê duyệt, đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số K = 1,0).

Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ các căn hộ của chung cư sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ, bể tự hoại → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Đường ống → Nguồn tiếp nhận.

- Lắp đặt đường ống xả thải và đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau bể khử trùng của hệ thống bể xử lý nước thải ra môi trường.

1.2.2. Kho chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường.

- Khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt cho mỗi tòa nhà đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường.

- Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường cho mỗi tòa nhà phải đảm bảo lưu giữ các loại chất thải phát sinh; nên kho được đổ bê tông và lát nền vữa xi măng chống thấm, tường xây

gạch, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển cảnh báo.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

2.1. Về thu gom, xử lý nước thải.

2.1.1. Trong giai đoạn thi công tiếp theo:

- Nước thải của công nhân xây dựng: Thu gom, xử lý qua bể tự hoại, định kỳ thuê đơn vị có chức năng cho xe chuyên dùng hút chuyển đi xử lý theo quy định hoặc đầu nối về các bể xử lý nước thải tập trung của giai đoạn 1 đã được đầu tư xây dựng.

- Thường xuyên khơi thông hệ thống thoát nước mưa, dọc tuyến thoát nước mưa bố trí song chắn rác; thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường.

2.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các toa nhà chung cư được thu gom về các bể xử lý nước thải tập trung xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, hệ số K = 1,0) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Về thu gom, xử lý bụi và khí thải.

2.2.1. Trong giai đoạn thi công:

- Các phương tiện chuyên chở vật liệu san lấp, vật liệu thi công phải đạt các Tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu; không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép.

- Phun rửa các tuyến đường vận chuyển vật liệu của dự án với tần suất 02 lần/ngày; quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

- Lắp dựng các hàng rào bằng tôn cao tối thiểu 3 m bao quanh các khu vực đang thi công; tại khu vực trung chuyển rác thải, các thùng chứa rác thải được vệ sinh hàng ngày và phun chế phẩm khử mùi định kỳ.

- Lắp đặt hệ thống giảm tiếng ồn và ống thoát khí thải cho máy phát điện dự phòng.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Duy trì và chăm sóc cây xanh trồng trong khuôn viên dự án.

- Tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Các thùng chứa rác thải sẽ được vệ sinh và phun khử mùi hàng ngày. Nước rỉ rác phát sinh được thu gom về các bể xử lý nước thải tập trung của các tòa nhà để xử lý.

- Vận hành đúng quy trình hệ thống thu gom và xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ bể tự hoại, từ các bể xử lý nước thải tập trung.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường:

2.3.1. Trong giai đoạn thi công:

- Bố trí các thùng rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại khu vực lán trại của công nhân và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

- Chất thải xây dựng được tập kết về khu tập trung chất thải xây dựng và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Rác thải sinh hoạt phát sinh sẽ được công nhân vệ sinh tiến hành thu gom hàng ngày, sau đó tập kết về khu lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt hàng ngày theo đúng quy định.

- Chất thải rắn khác có thể tái chế: Phân loại, thu gom bán cho đơn vị thu mua tái chế.

2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại:

2.4.1. Trong giai đoạn thi công:

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải lít có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong các kho chứa chất thải nguy hại. Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng tuân thủ theo đúng quy định, cụ thể:

+ Kho chứa được xây dựng kín đáp ứng quy định về quản lý chất thải.

+ Trong kho lưu chứa CTNH có các thiết bị ứng phó sự cố môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

- Thuê đơn vị có chức năng để thực hiện thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

2.5.1. Trong giai đoạn thi công:

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; bố trí thời gian thi công hợp lý; kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện thường xuyên. Che chắn xung quanh khu vực công trường.

- Sửa chữa, hoàn trả nguyên hiện trạng các tuyến đường giao thông bị hư hỏng do hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ Dự án.

- Bố trí các rãnh thoát nước tạm thời, cống ngang đường, không để nước mưa chảy tràn tự do qua nền đường đang thi công và không gây ngập úng.

2.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Hệ thống thu gom nước mưa của Dự án riêng biệt với hệ thống thoát nước các Khu vực lân cận; đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa trong khu đất Dự án chảy ra nguồn tiếp nhận không làm ảnh hưởng khả năng thoát nước mưa của khu vực lân cận.

- Có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương để khắc phục và bồi thường thiệt hại do ảnh hưởng của ngập úng gây nên bởi các hoạt động của Dự án.

- Tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước mưa 6 tháng/lần để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho khu vực Dự án.

- Không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

2.6.1. Trong giai đoạn thi công:

- Luôn khơi thông dòng chảy để không gây ngập úng cục bộ.

- Kho nguyên vật liệu có bố trí thiết bị phòng chống cháy, nổ.

2.6.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Bố trí thiết bị dự phòng đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố về thiết bị của các bể xử lý nước thải tập trung.

- Bố trí máy phát điện dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung; có thiết bị đo đếm điện của các trạm xử lý nước thải.

- Các công trình trong các bể của hệ thống các bể xử lý nước thải đều được xây dựng bằng bê tông cốt thép, có độ bền cao để hạn chế tối đa các rủi ro.

- Đối với hệ thống các bể xử lý nước thải tập trung: Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường quy định tại Mục 1.4, Phần B, Phụ lục 1 của giấy phép này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh trong hoạt động của dự án.

2. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy trình tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn

tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.